

Số: 2897/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn Nguyên - Cư trú tại bản Cốc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 176.958.950 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Văn Nguyên có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

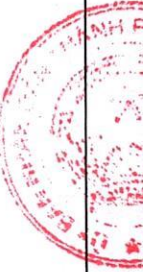


PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số 2894/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

I	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
4	Hộ ông Trần Văn Nguyên					
	Địa chỉ: bản Giang huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					176.958.950
a	Về đất				32.859.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	935,1			
2	Loại đất					
	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	65,5	37.000	2.423.500	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	869,6	35.000	30.436.000	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 03 thửa đất gồm các thửa 672, 673, 676; tờ BĐ số 134 diện tích 935,1 m²(Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi chồng lấn thuộc một phần thửa đất số 581 tờ BĐ số 134 đang quy tên ông Vây A Tường. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn Nguyên và bà Vây Thị Teo đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc: Nhận tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố mẹ đẻ của ông Trần Văn Sang và bà Lèng Thị Đánh năm 2006 (Không có giấy tờ tặng cho). Đất ông Sang và bà Đánh khai hoang sử dụng làm nông nghiệp từ trước năm 1993 (Không có giấy tờ). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số, đo đạc, quy chủ chưa chính xác và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</p> <p>+ Phần diện tích chồng lấn thuộc một phần thửa đất số 412, tờ BĐ số 134 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất SON do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn Nguyên và bà Vây Thị Teo đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc: Nhận tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố mẹ đẻ của ông Trần Văn Sang và bà Lèng Thị Đánh năm 2006 (Không có giấy tờ tặng cho). Đất ông Sang và bà Đánh khai hoang sử dụng làm nông nghiệp từ trước năm 1993 (Không có giấy tờ). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số, đo đạc, quy chủ chưa chính xác và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998. Mục đích sử dụng: Đất bằng trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.</p>					
b	Tài sản vật kiến trúc Toàn bộ tài sản do ông Trần Văn Nguyên tạo lập năm 2006, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.					10.901.550
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Ao đào không phân biệt đất cấp (2*65,5m ²)	m ³	131,0	58.300	7.637.300	
2	Hào đào thủ công (6*0,5*0,7)	m ³	2,1	82.500	173.250	





I	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
3	Hào đào thủ công (40*1*0,5)	m ³	20,0	82.500	1.650.000	
4	Cống cuốn BTCT Φ 100-300	m	10,0	144.100	1.441.000	
c	Cây cối hoa màu trên đất				34.619.400	
1	Cây mắc ca trồng năm thứ 3	Cây	6,0	183.400	1.100.400	
2	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	Cây	2,0	132.000	264.000	
3	Cây ăn quả hạt năm thứ 2	Cây	30,0	66.000	1.980.000	
4	Cây lấy gỗ D= 10-25 cm	Cây	15,0	42.000	630.000	
5	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 65,5m ² *0,3kg/m ²	Kg	19,7	60.000	1.179.000	
6	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 1.637m ² *0,3kg/m ²	Kg	491,1	60.000	29.466.000	
d	Chính sách hỗ trợ				98.578.500	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	65,5	111.000	7.270.500	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	869,6	105.000	91.308.000	

